

**Khoa kinh tế học**  
**ĐH Kinh tế quốc dân**  
**GIÁO TRÌNH MÔN KINH TẾ HỌC VI MÔ**  
**Chương 3: Lý thuyết người tiêu dùng**  
**Thạc sĩ: Nguyễn Thị Thu**





# Ch YEng III: Lý thuy t ng Y i tiêu dùng

I. Lý thuy t v l i ích

II. L a ch n s n ph m và tiêu dùng t i Yu



I. Lý thuyết về lợi ích

1. Một số vấn đề cơ bản

2. Lý thuyết về lợi ích

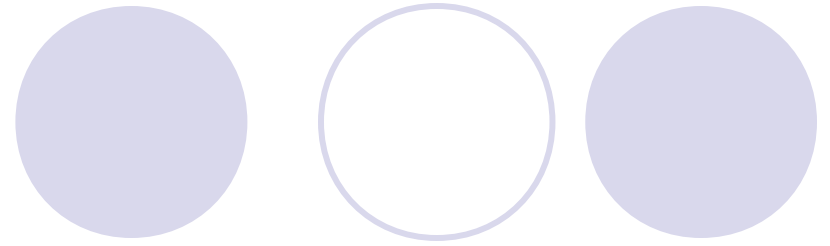
3. Lựa chọn sp và

TD tối ưu

# Một số vấn đề cơ bản

- TIÊU DÙNG
- HỘ GIA ĐÌNH
- MỤC TIÊU CỦA NGƯỜI TD
- HẠN CHẾ NGÂN SÁCH CỦA NGƯỜI TD
- LÝ THUYẾT TD

# TIÊU DÙNG



Là hành động nhằm thỏa mãn những nguyện vọng, trí tưởng tượng, và các nhu cầu về tình cảm, vật chất thông qua việc mua sắm và SD (chủ yếu nhằm thỏa mãn td cá nhân)

# Hộ gia đình

## các hộ gia đình

- gia vào thị trường  $H^2$  tiêu dùng
  - + SD các SP, DV do thị trường cung cấp
  - + QĐ TD loại  $H^2$  nào?
- gia vào thị trường các yếu tố
  - + chủ thể SD các nguồn lực sx-XH
  - + QĐ SD loại nguồn lực nào?

# MỤC TIÊU CỦA NGƯỜI TD

- Người TD đều muốn tối đa hóa lợi ích với  $I = \text{const}$
- Giả định lợi ích là có thể lượng hóa được

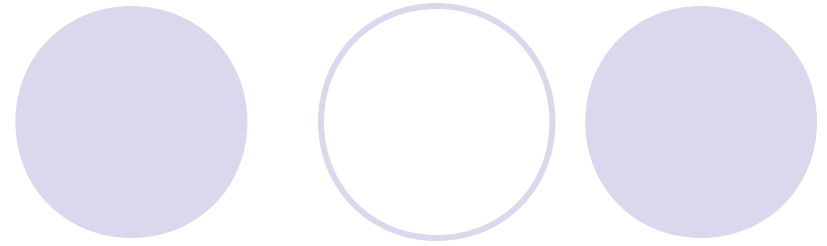
đơn vị đo được biểu thị bằng 1 đơn vị tưởng tượng là Utils

HẠN CHẾ NGÂN SÁCH CỦA NGƯỜI TD

- Đã trình bày ở chương 1



# LÝ THUYẾT TD



- Thông qua việc mua sắm thực tế, người TD đã bộc lộ sở thích ưa thích nhất của họ
- Với 1 QĐ hợp lý, trên cơ sở  
lượng  $I = \text{const} \Rightarrow TU_{\text{MAX}}$
- Dự đoán phản ứng của người TD khi thay đổi
  - cơ hội
  - I

# 1. Một số khái niệm cơ bản

- Lợi ích (U):

Là sự thỏa mãn, hài lòng do tiêu dùng hàng hóa hoặc dịch vụ đem lại.

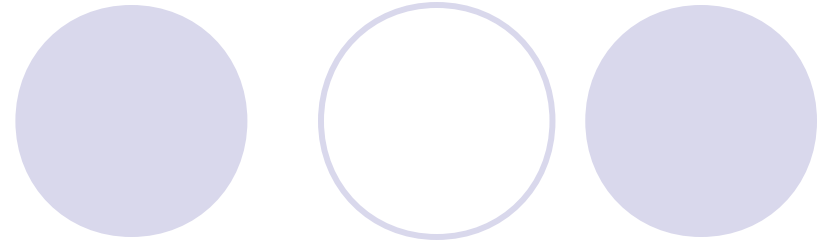
- Tổng lợi ích (TU)

Là tổng thể sự thỏa mãn hoặc hài lòng thu được khi tiêu dùng toàn bộ hàng hóa hoặc dịch vụ mang lại.

## II. LÝ THUYẾT LỢI ÍCH

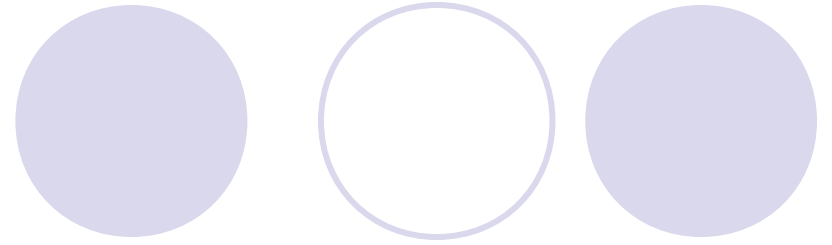
- Các giả định
- U, TU, MU
- QL MU giảm dần

# Các giả định



- Tính hợp lý
- Lợi ích có thể đo được
- Tính TU

Tính hợp lý



Người TD có tiền  
là tối đa hóa lợi ích

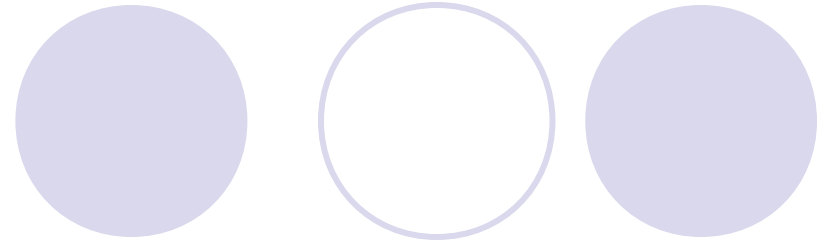
# Lợi ích có thể đo được

- Người TD gán cho mỗi H2 hoặc mỗi kết hợp H2 một con số đo độ lớn về lợi ích tương ứng
- Vd: ăn phở + quẩy
- Tính TU

TÍNH TU

TU phụ thuộc vào  
số lượng  $H^2$  mỗi loại  
mà người TD sử dụng

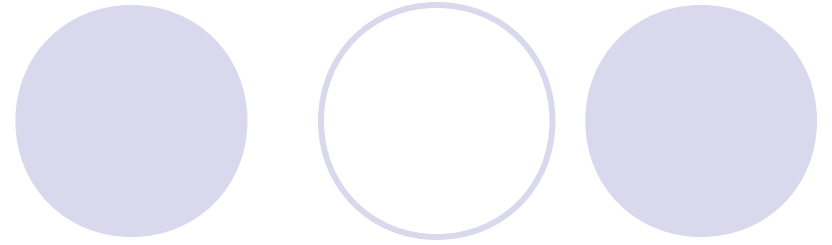
Lợi ích (U):



Là sự thỏa mãn, hài lòng  
do tiêu dùng hàng hóa hoặc  
dịch vụ đem lại.



Tổng lợi ích (TU)



Là tổng thể sự thỏa mãn hoặc hài lòng thu được khi tiêu dùng toàn bộ hàng hóa hoặc dịch vụ mang lại.

# Lợi ích cận biên (MU)

Phản ánh mức lợi ích tăng thêm khi tiêu dùng thêm một đơn vị hàng hóa hay dịch vụ

$$MU = \Delta TU / \Delta Q$$

TU là hàm liên tục  $MU = dTU/dQ$   
 $= TU'$

TU là hàm rời rạc  $MU_i = TU_i - TU_{i-1}$

# Quy luật lợi ích cận biên giảm dần

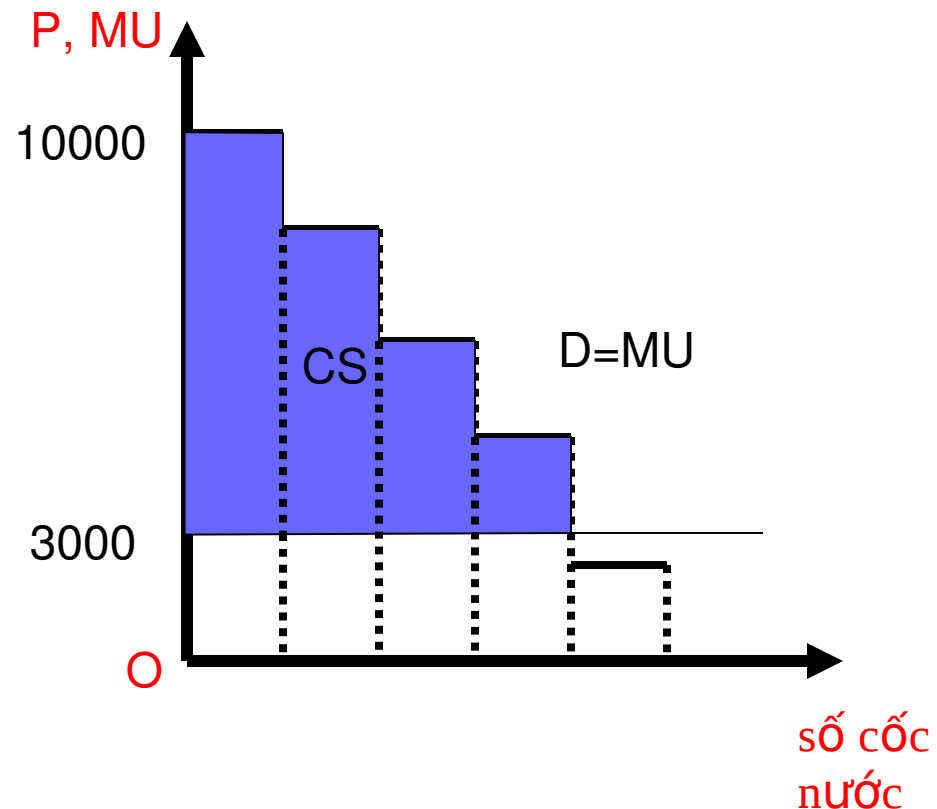
- Nd: Nếu cứ tiếp tục tăng dần lượng tiêu dùng một loại hàng hóa nào đó trong 1 khoảng thời gian nhất định, thì tổng lợi ích sẽ tăng nhưng với tốc độ chậm dần, còn lợi ích cận biên luôn có xu hướng giảm đi

# Thặng dư tiêu dùng

- Ví dụ: giá của một cốc nước là 3000 VND, 1 ng TD như sau

Cốc thứ: 1 2 3 4 5 6

MU: 10 6 3 1 0 -0,5



# Ví dụ

Q	TU	MU
1	10	10
2	16	6
3	19	3
4	21	1
5	22	0
6	22	-0,5
7	21,5	- 0,15

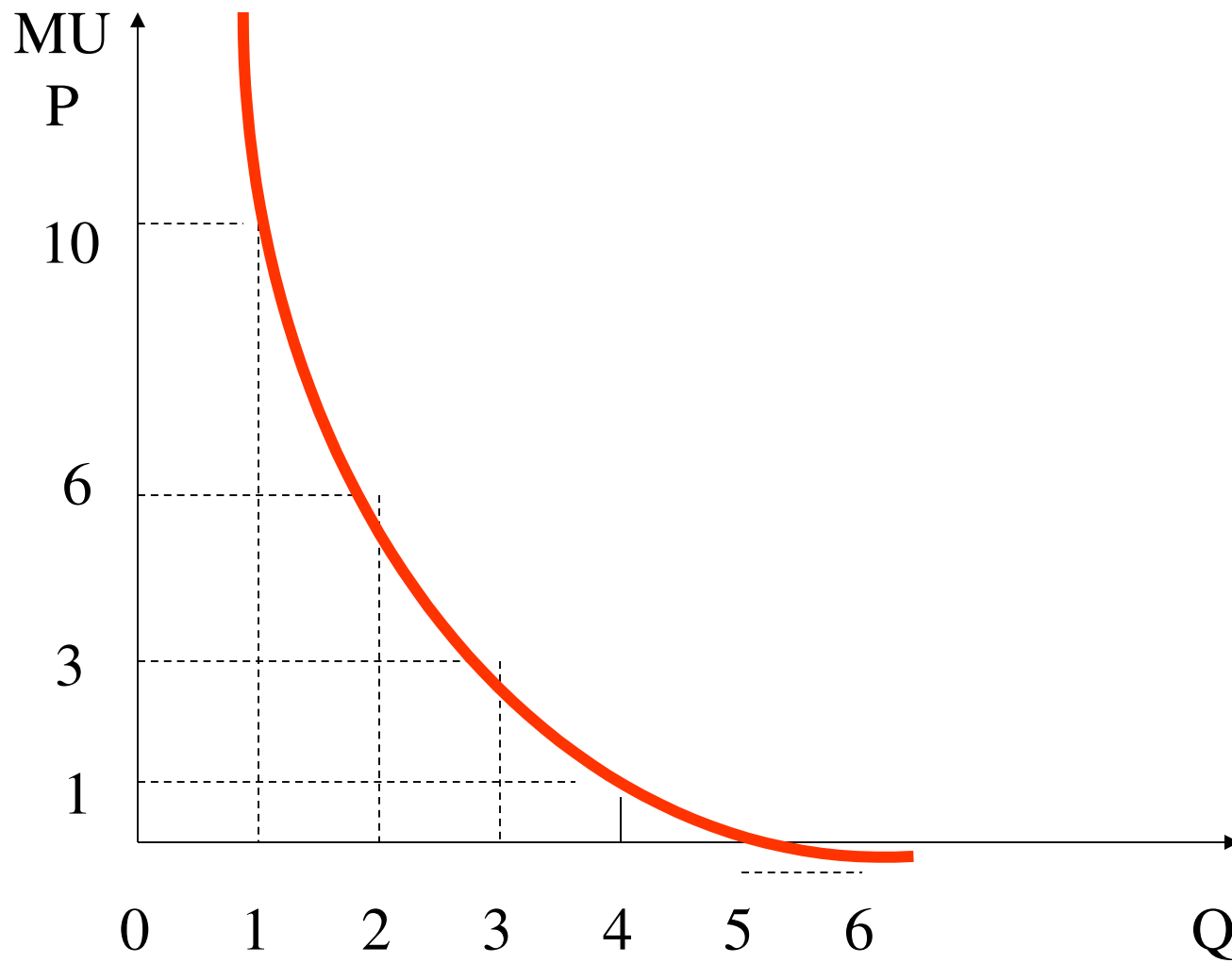
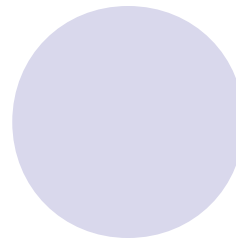
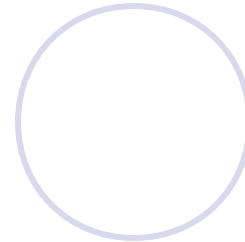
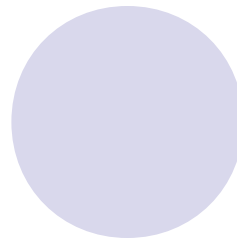
Hành vi hợp lý  
của người TD

MU > 0 ,  $\uparrow$  TU,  $\uparrow$  Q  
MU > P, (P: giá H<sup>2</sup>)  
MU = P, TU<sub>MAX</sub>, Q\*

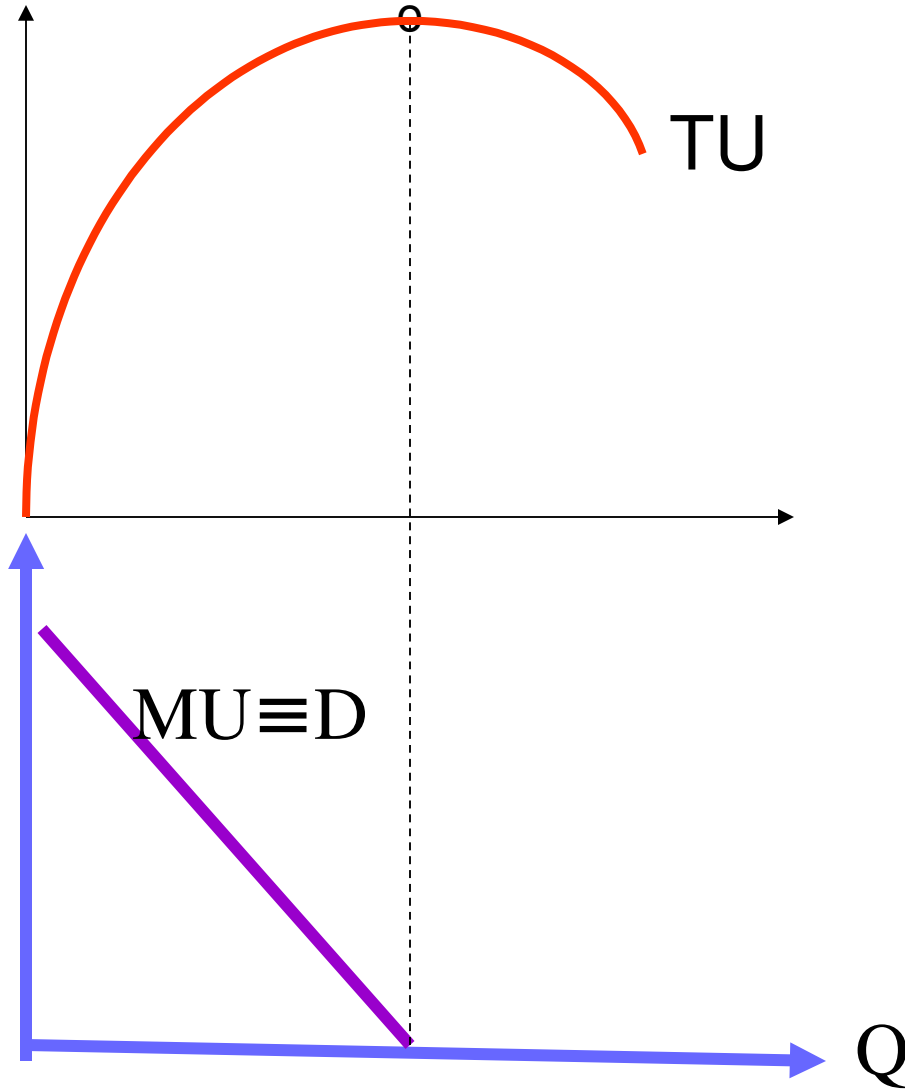
MU = 0, TU<sub>MAX</sub>, Q\*

MU < 0, TU  $\uparrow$  ,  $\downarrow$  Q

ĐỒ THỊ: MU↓



# Đồ thị đường cầu dốc xuống và TU



# Giải thích đường cầu dốc xuống

- MU của hàng hóa DV TD càng lớn thì ngTD sẵn sàng trả giá cao hơn
- MU giảm thì sự sẵn sàng chi trả cũng giảm đi.
- Dùng P đo MU,  $P \equiv D$ ,  $MU \downarrow \Rightarrow D \downarrow$   
 $\Rightarrow$  đường D nghiêng xuống về phía phải
- tiết chế hvi của ngTD
  - chỉ TD khi  $MU \geq 0$  ( $H^2$  miễn phí),  $MU \geq P$
  - lẽ ra TD khi  $MU < 0$ ,  $MU < P$  (có lẽ là  $H^2$ )



# Thặng dư tiêu dùng

khái niệm: CS là phần lợi của người tiêu dùng được hưởng dôi ra ngoài cái giá phải trả

- CS/ 1đvsp: phản ánh sự chênh lệch giữa lợi ích của người tiêu dùng một đơn vị hàng hóa nào đó(MU) với giá bán của nó

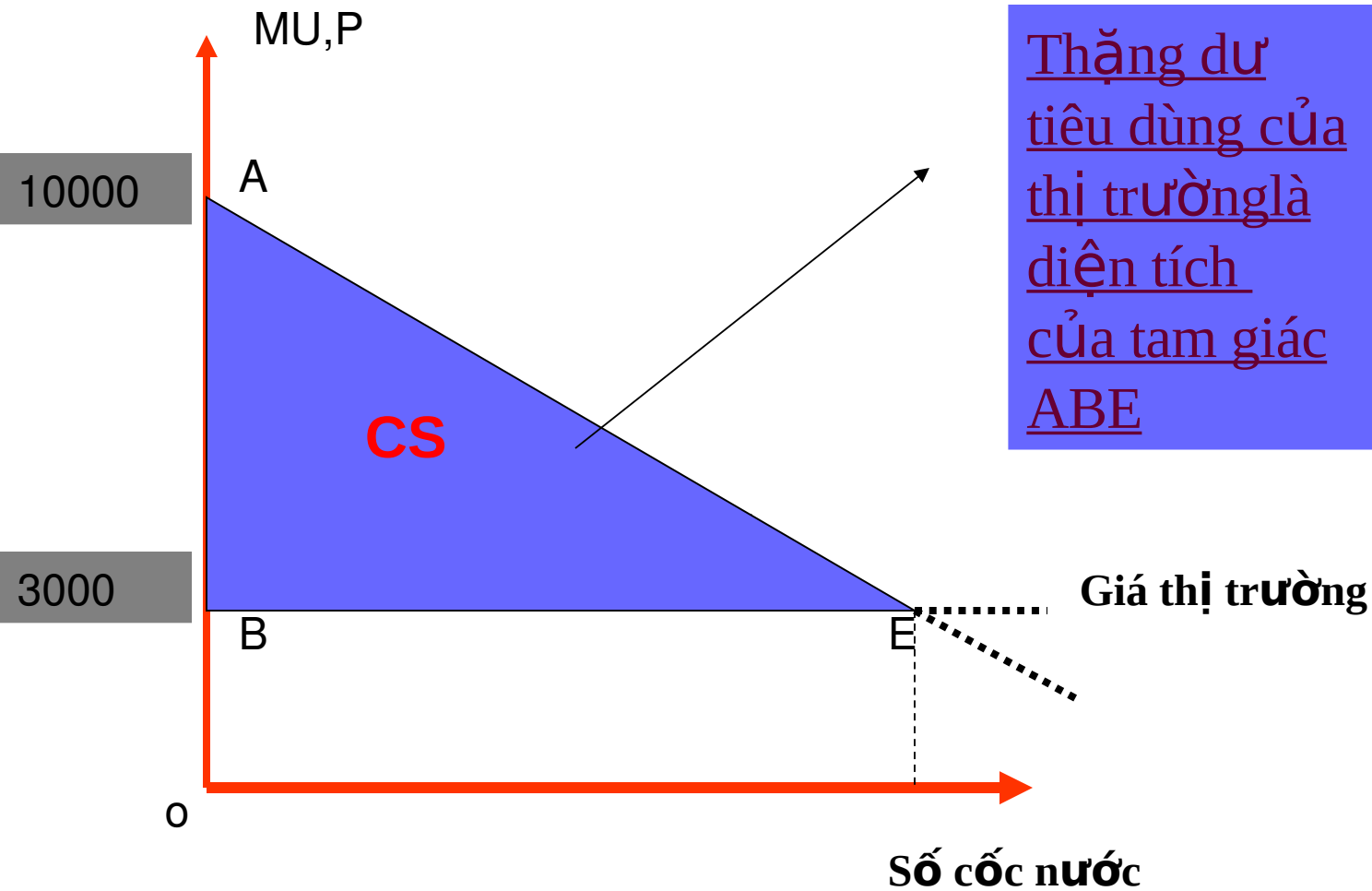
$$CS/1đvsp = MU - P$$

- CS/ toàn bộ sp: phản ánh sự chênh lệch giữa tổng lợi ích thu được với tổng chi tiêu để đạt tổng lợi ích đó

$$CS/ \text{toàn bộ sp} = TU - TE$$

$$= dt \Delta \text{ dưới cầu}/P$$

# Thặng dư tiêu dùng của toàn bộ thị trường



## II. TỐI ĐA HÓA LỢI ÍCH

- Lý do: quy luật khan hiếm
  - Mđ:  $(TU_{MAX})_{TV}$
- } => Lựa chọn
- Lựa chọn TD tối ưu: giải 2 btoán
    1.  $I = \text{const}$
    2.  $TU = \begin{cases} \text{const} \\ I_{MIN} \end{cases}$
- Nguyên lý của sự lựa chọn
  - Người lựa chọn có lý trí bình thường

# Nguyên lý của sự lựa chọn

- $v \times \text{cả TU} = \sum \text{MU} \Rightarrow$  nếu cở cả MU/1 đv tiền  
tổ lớn hơn  $\Rightarrow$  TU lớn hơn với  $I = \text{const}$
- nguyên tắc: chọn TD loại SP nọ cả  
 $[\text{MU}/P]_{\text{max}}$
- $v \times \text{MU}$  giảm dần  $\Rightarrow$  quy trình chọn  
 $[\text{MU}/P]_{\text{max}} \Rightarrow$  chọn c, c loại SP  $\neq$  nhau cho  
Rõn khi hết  $I$  thì  $\times [\text{MU}/P]$  của c, c loại H2 sẽ  
tiến dần Rõn b»ng nhau
- $\Rightarrow$  §K c©n b»ng lý thuyết:

$$[\text{MU}_v/P_v] = [\text{MU}_v/P_v] = \dots = [\text{MU}_n/P_n]$$

# 1 số giả thuyết về sở thích ng TD

- Sở thích mang tính ưu tiên  
tốt > không tốt, đẹp > không đẹp
- Sở thích mang tính bắc cầu  
 $A > B, B > C \Rightarrow A > C$
- Sở thích mang tính nhất quán  
 $A > B$  thì khi đã có A không bao giờ thích B
- Người TD luôn luôn thích nhiều  $H^2$  hơn ít

# CÂN BẰNG CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG

- Cách tiếp cận lợi ích đo được  
(*lý thuyết lợi ích*)

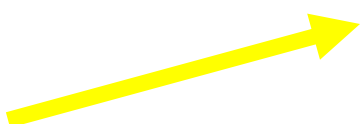


# Cách tiếp cận lợi ích đo được

Ví dụ: 1 người có  $I = 21$  ngàn đồng dùng để chi tiêu cho hai loại hàng hóa X (mua sách) và Y (tập thể thao) trong 1 tuần với giá của x là  $P_x = 3$  nghìn/ 1 quyển, giá của Y là  $P_y = 1,5$  nghìn/1 lần tập

Hàng hóa X, Y	1	2	3	4	5	6	
$TU_x$	18	33	45	54	60	63	
$TU_y$	12	21	27	30	31,5	31,5	

Chọn mua hàng hóa nào



Chỉ quan tâm đến lợi ích



Mua hàng hóa X



Quan tâm cả giá và lợi ích



Mua X hay Y?

# Lợi ích cận biên trên 1 đồng chi tiêu

X	$TU_X$	$MU_X$	$MU_X/P_X$	Y	$TU_Y$	$MU_Y$	$MU_Y/P_Y$
1	18	18	6	1	12	12	8
2	33	15	5	2	21	9	6
3	45	12	4	3	27	6	4
4	54	9	3	4	30	3	2
5	60	6	2	5	31,5	1,5	1
6	63	3	1	6	31,5	0	0
				7			



# Lựa chọn tiêu dùng

## Áp dụng nguyên tắc Max (MU/P)

1. Lần thứ 1: tập thể thao vì  $MU_X/P_X = 8$
2. Lần thứ 2: mua sách, tập t<sup>2</sup> vì  $MU_X/P_X = MU_Y/P_Y = 6$
3. Lần thứ 3: mua sách vì  $MU_X/P_X = MU_Y/P_Y = 5$
4. Lần thứ 4: mua sách, tập t<sup>2</sup> vì  $MU_Y/P_Y = MU_X/P_X = 4$
5. Lần thứ 5: mua sách vì  $MU_X/P_X = 3$
6. Lần thứ 6: mua sách, tập t<sup>2</sup> vì  $MU_Y/P_Y = MU_X/P_X = 2$

➔ và vừa tiêu hết số tiền là 21 nghìn

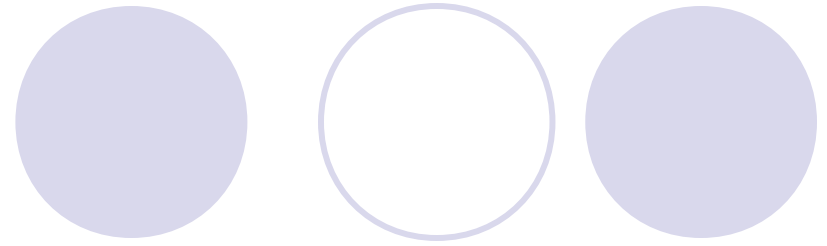
Vậy lựa chọn TD tối ưu thỏa mãn điều kiện cân bằng  $MU_Y/P_Y = MU_X/P_X = 2$  và  $XP_X + YP_Y = I$ , là  $X = 5, Y = 4$

## 2. Lợi ích có thể so sánh

Cách tiếp cận *phân tích đường bàng quan và ngân sách*

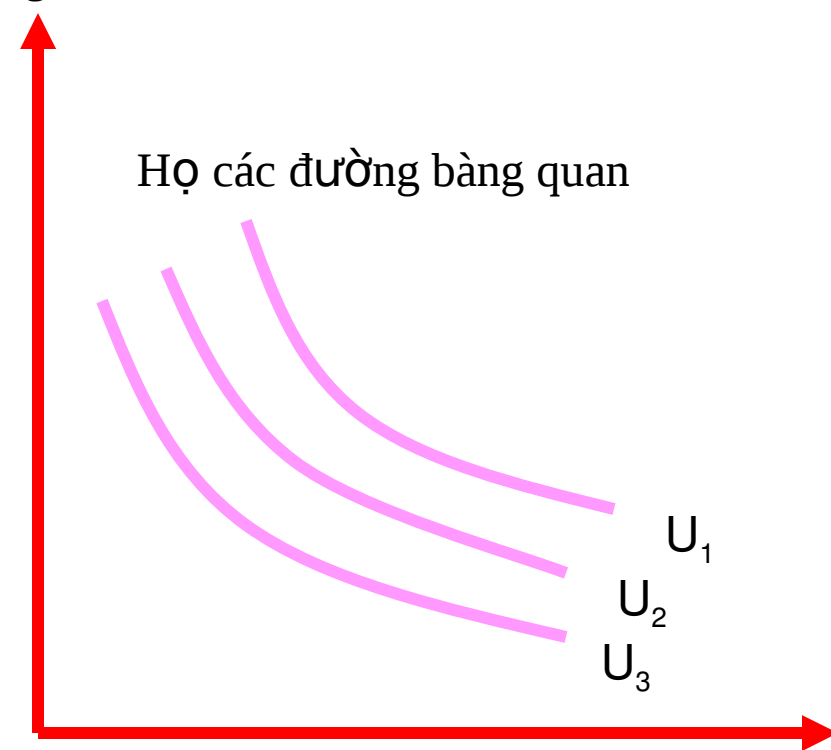
- *Đường ngân sách*
- *Đường bàng quan*

# Đường bàng quan



- Kn: đường IC biểu thị các kết hợp khác nhau của hai H<sup>2</sup> mang lại cùng một mức U
  - t/c: + đường IC nghiêng xuống phải
- + Đường IC là đường cong lồi so với gốc tọa độ
- $$MRS_{X/Y} = -dY/dX = MU_X/MU_Y$$
- + Đường IC càng xa gốc tọa độ thể hiện U thu được càng cao

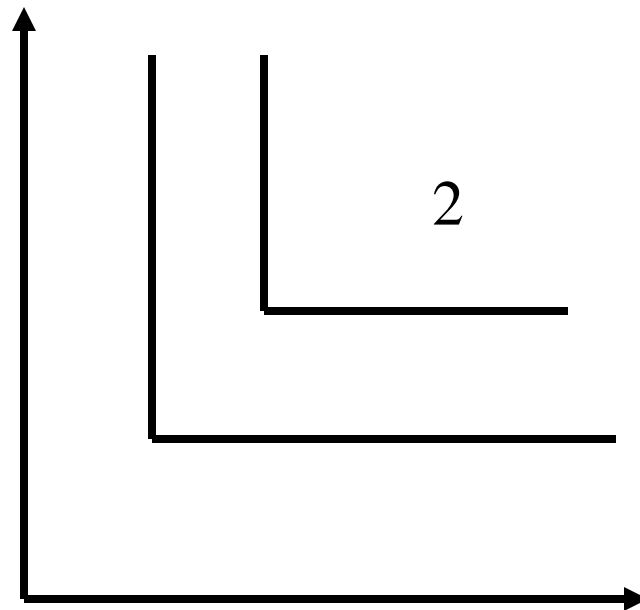
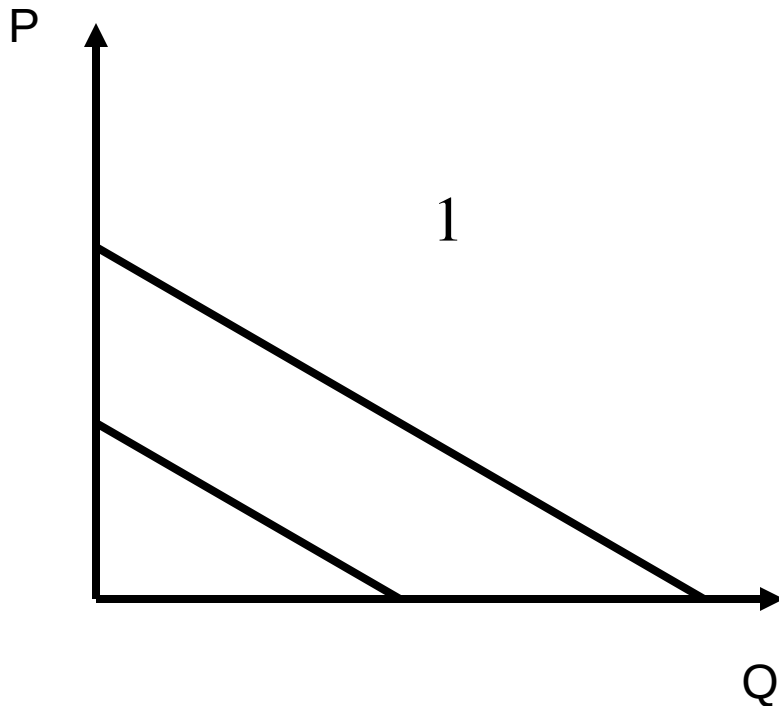
Hàng hóa Y



Hàng hóa X

# CÁC DẠNG ĐẶC BIỆT ĐƯỜNG IC

1. Hàng hóa thay thế
2. hàng hóa bổ sung



# Đường IC nghiêng xuống về phía phải

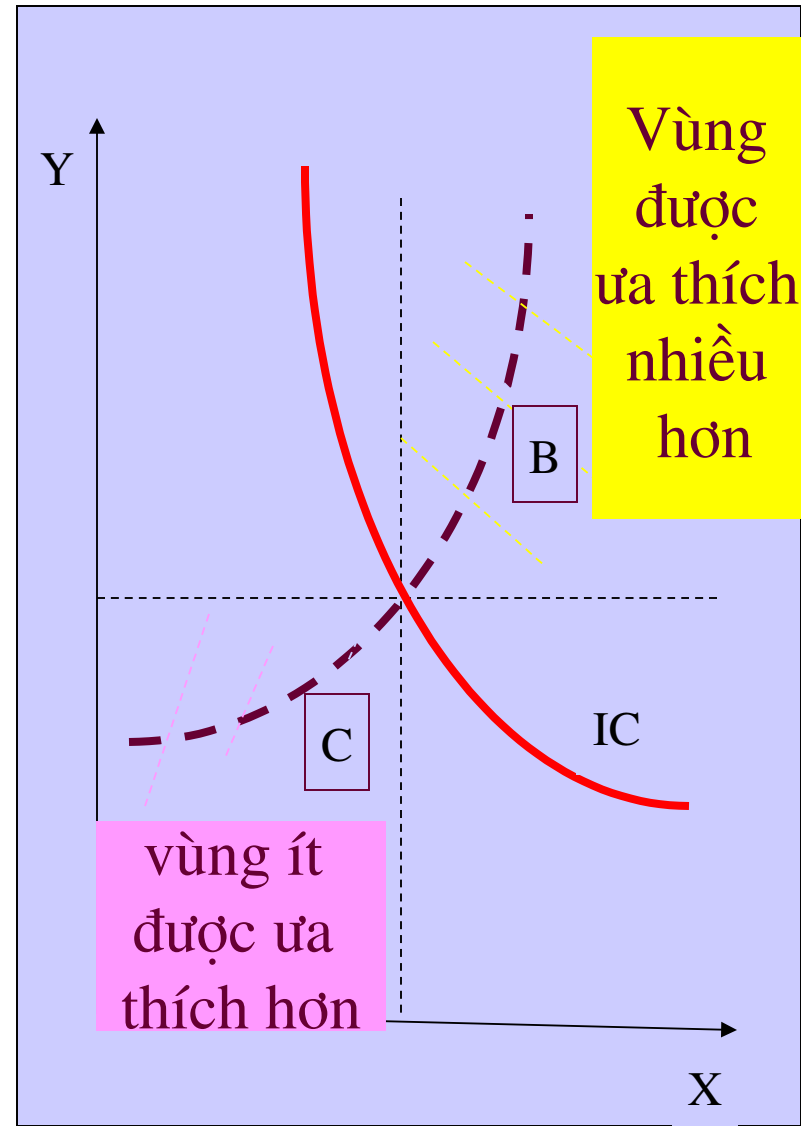
CM: gs đường IC  
nghiêng lên

- theo kn:  $U_B = U_C$
- theo gt về sở thích  
ng TD

$$U_B > U_C$$

⇒ Vô lý

KL: đường IC nghiêng

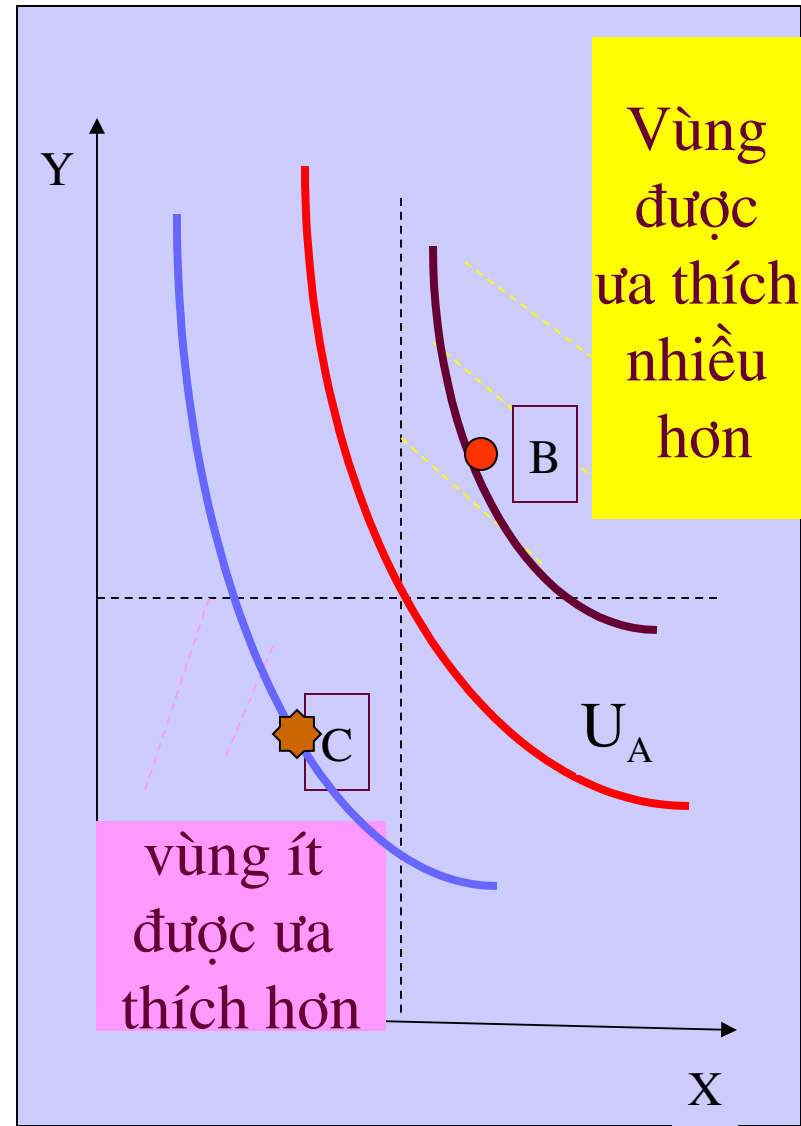


Đường IC khác nhau  $\Rightarrow$  U khác nhau

CM: đường IC càng xa gốc tọa độ  $\Rightarrow$  U càng lớn

theo gt về sở thích người TD

$$U_B > U_A > U_C$$



# Các đường IC không cắt nhau

CM:gsđường IC cắt nhau

○ theo kn:  $U_B = U_A$

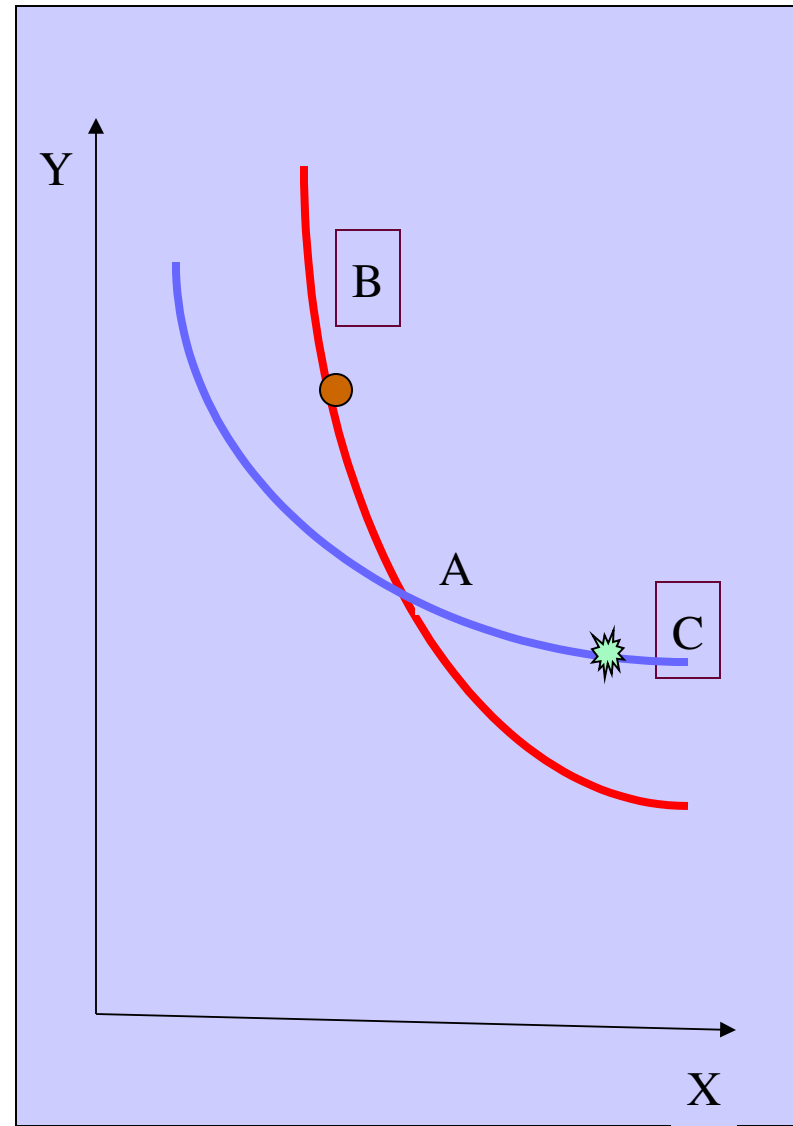
$$U_C = U_A$$

$$\Rightarrow U_B = U_C$$

○ theo t/c 2:  $U_B \neq U_C$

$\Rightarrow$  Vô lý

KL:đường IC không



# Lựa chọn tiêu dùng tối ưu

- Kết hợp đường bàng quan và ngân sách:

$$\begin{cases} I = \text{const} \\ TU \Rightarrow \max \end{cases}$$

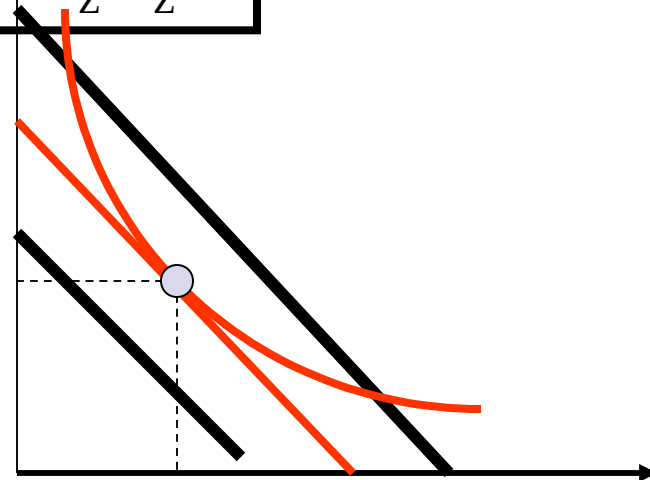
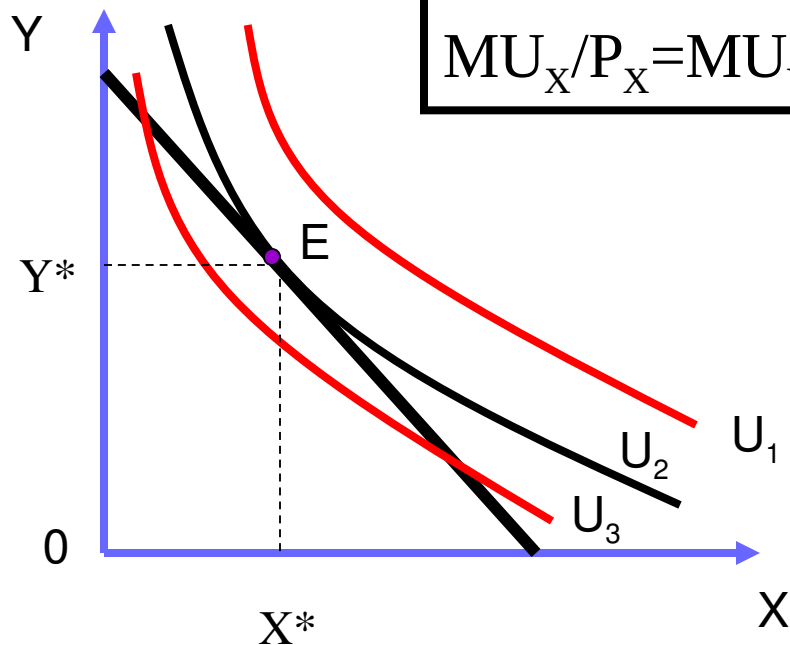
$$P_X/P_Y = MU_X/MU_Y$$

$$\text{Hay, } MU_X/P_X = MU_Y/P_Y$$

Áp dụng cho thị trường tổng quát:

$$MU_X/P_X = MU_Y/P_Y = \dots MU_Z/P_Z$$

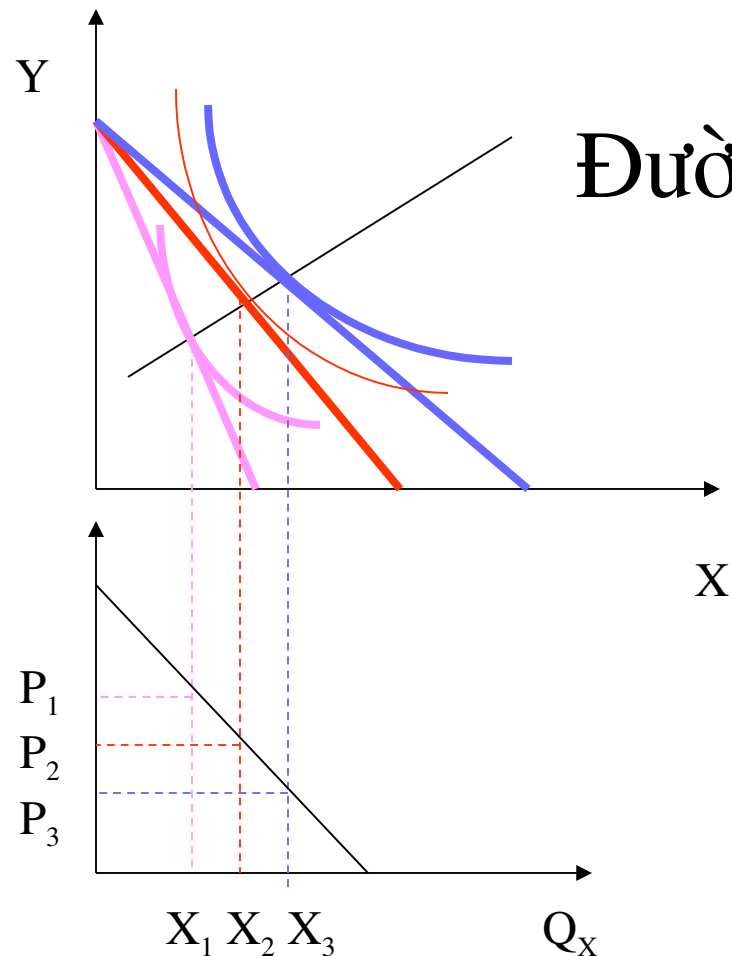
$$\begin{cases} TU = \text{const} \\ I \Rightarrow \min \end{cases}$$





# Cách XĐ đường cầu

- Cách XĐ đường D bằng đường IC



Đường TD giá cả

$I, P_Y = \text{const}, P_X \downarrow$

$\Rightarrow$  đường I xoay ra ngoài

Tập hợp tất cả các điểm CB

$\Rightarrow$  đường TD giá cả